

Bản án số: 344/2026/HS-ST
Ngày: 24 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Minh;

2/ Ông Trịnh Văn Lực.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thái Vương Triều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 424/2026/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 405/2026/QĐXX-HS ngày 08 tháng 7 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 1991 tại tỉnh Cà Mau; thường trú: Ấp A, xã T, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện nay: 467/8 Quốc lộ A, tổ E, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn B, sinh năm 1970 và bà Trương Thị Đ, sinh năm 1972; bị cáo có vợ tên Lê Thị Bích T1, sinh năm 1988 và có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2025 đến nay (có mặt).

2. Hoàng Văn T2, sinh năm 1980 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở hiện nay: Nhà T, đường XC7, tổ H, khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con ông Hoàng Văn M, đã chết và bà Trần Thị B1, sinh năm 1956; bị cáo có vợ tên Trần Thị T3, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 19/9/2005, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 145/2005/HS-ST. Bị cáo chấp hành tại Trại giam B2 và đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/12/2006. Đóng án phí ngày 07/3/2007.

Ngày 05/6/2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 66/2005/HSPT. Bị cáo chấp hành tại Trại giam A và đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/3/2010. Đóng án phí ngày 07/7/2008.

Ngày 16/01/2020, bị Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Đ) xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 30/2020/HS-ST. Bị cáo chấp hành tại Trại giam T6 và đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2022. Đóng án phí ngày 03/6/2020.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2025 đến nay (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 03/10/2025, khi đang ở phòng trọ thuộc Nhà trọ Lê Thị Cẩm N, địa chỉ số D Quốc lộ A, Tổ E, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo T nhận được điện thoại của T2 rủ xuống D gặp một người tên T4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để lấy ma túy sử dụng. T trả lời không có tiền, chỉ đủ tiền đi xăng thì T2 nói sẽ lo chi phí nên T đồng ý.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 69L1-138.72 đến nhà T2 tại đường S, khu phố D, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh đón T2. Theo sự chỉ dẫn của T2, cả hai đến một quán cà phê gần Siêu thị G gặp T4. Trong lúc ngồi uống cà phê, T4 hỏi T2 có sử dụng ma túy không, T2 trả lời có. Sau đó, T4 rủ T2 và T vào khu vực nhà vệ sinh của Siêu thị GO phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T4 đưa cho T2 một mảnh giấy bạc bên trong có chứa ma túy loại Heroine rồi đi vào một phòng vệ sinh khác. T2 và T vào cùng một phòng vệ sinh. T2 dùng bật lửa mang theo hơi nóng mặt dưới mảnh giấy bạc để sử dụng ma túy và bảo T lấy một tờ tiền quán thành ống hút. T lấy tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng của mình quán thành ống hút rồi đưa cho T2 sử dụng trước. Sau khi T2 sử dụng xong thì đưa lại cho T sử dụng. Khi sử dụng hết số ma túy, T2 vứt mảnh giấy bạc vào bồn cầu và xả nước, còn T cất lại tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng vào túi quần.

Sau khi sử dụng ma túy xong, T2 và T cùng đi về. Trên đường về thì bị lực lượng Công an đang tuần tra phát hiện. T và T2 đã đến cơ quan Công an đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nêu trên. Đối với người tên T4, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Vật chứng thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T2 gồm:

01 () bật lửa màu trắng;

01 () điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A53 màu đen, số IMEI 353842198919613, gắn sim số 0337157955.

Vật chứng thu giữ của bị cáo Trần Văn T gồm:

01 () tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, số seri 2026586;

01 () điện thoại di động hiệu OPPO A15 màu đen, IMEI 1: 866983052831435, gắn sim số 0708830626;

01 () xe mô tô biển số 69L1-138.72, số máy E3X9E426059, số khung RLCUE3210JY184010.

Đối với đối tượng tên T4 là người đã đưa ma túy cho T2 và T sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 130/CT-VKS-KV16 ngày 24 tháng 6 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Văn T và Hoàng Văn T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, xác định các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Về nhân thân, bị cáo Hoàng Văn T2 có nhân thân xấu; bị cáo Trần Văn T không có tiền án, tiền sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, cùng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bật lửa màu trắng; 01 (một) sim số 0337157955 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T2; 01 (một) sim số 0708830626 thu giữ của bị cáo Trần Văn T.

Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A53 màu đen, số IMEI 353842198919613 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T2; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng có số sê-ri 2026586 thu giữ của bị cáo Trần Văn T.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 69L1-138.72, số máy E3X9E426059, số khung RLCUE3210JY184010 thu giữ của bị cáo Trần Văn T, quá trình điều tra xác

định bà Lê Cẩm L là người đứng tên đăng ký xe. Bà L khai đã chuyển nhượng chiếc xe từ lâu nhưng không nhớ thời gian, người nhận chuyển nhượng, không còn lưu giữ giấy tờ mua bán và không có yêu cầu nhận lại tài sản. Bị cáo Trần Văn T khai là người đã mua và quản lý, sử dụng chiếc xe, tuy không còn giữ giấy tờ mua bán. Quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp hoặc yêu cầu nhận lại chiếc xe. Bị cáo đã sử dụng chiếc xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng, các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản khám nghiệm hiện trường; các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 11 giờ ngày 03/10/2025, tại nhà vệ sinh của Siêu thị GO phường G, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi được đối tượng tên T4 đưa cho một mảnh giấy bạc chứa ma túy loại Heroine, bị cáo Hoàng Văn T2 đã sử dụng bật lửa hơi nóng mảnh giấy bạc chứa ma túy, yêu cầu bị cáo Trần Văn T lấy tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng quán thành ống hút để sử dụng ma túy. Bị cáo T thực hiện theo yêu cầu, đưa ống hút cho bị cáo T2 sử dụng trước, sau đó cả hai lần lượt sử dụng hết số ma túy trên. Như vậy, các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi chuẩn bị dụng cụ, tạo điều kiện và tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi nêu trên của các bị cáo Hoàng Văn T2 và Trần Văn T đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, đồng thời ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Tệ nạn ma túy là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, hạnh phúc gia đình và trật tự an toàn xã hội. Mặc dù nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Hoàng Văn T2 giữ vai trò chính. Sau khi được đối tượng tên T4 đưa ma túy, bị cáo T2 là người trực tiếp sử dụng bật lửa hơi nóng mảnh giấy bạc chứa ma túy, yêu cầu bị cáo Trần Văn T dùng tờ tiền quần thành ống hút để sử dụng ma túy, sử dụng ma túy trước rồi đưa cho bị cáo T cùng sử dụng; sau khi sử dụng xong còn vứt mảnh giấy bạc vào bồn cầu và xả nước nhằm tiêu hủy. Bị cáo Trần Văn T là người được bị cáo T2 rủ cùng sử dụng ma túy, đã thực hiện theo yêu cầu của bị cáo T2, dùng tờ tiền của mình quần thành ống hút, đưa cho bị cáo T2 sử dụng rồi tiếp tục cùng sử dụng ma túy. Do đó, bị cáo T giữ vai trò đồng phạm với mức độ tham gia thấp hơn bị cáo T2.

Đối với bị cáo Hoàng Văn T2, mặc dù có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng người trong vụ án đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đầu thú, việc đầu thú được thể hiện tại Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú có trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) bật lửa màu trắng; 01 (một) sim số 0337157955 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T2 và 01 (một) sim số 0708830626 thu giữ của bị cáo Trần Văn T là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A53 màu đen, số IMEI 353842198919613 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T2; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng có số sê-ri 2026586 và 01 (một) xe mô tô có biển số 69L1-138.72, số máy E3X9E426059, số khung RLCUE3210JY184010 thu giữ của bị cáo Trần

Văn T là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Đối với chiếc xe mô tô, quá trình điều tra xác định bị cáo T là người quản lý, sử dụng; người đứng tên đăng ký xe khai đã chuyển nhượng xe từ lâu và không có yêu cầu nhận lại, quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Đối với đối tượng tên T4 là người đã đưa ma túy cho các bị cáo sử dụng, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật khi có căn cứ.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xử lý vật chứng và mức hình phạt đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T2 và Trần Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 04 (bốn) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2025.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2025.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bật lửa màu trắng; 01 (một) sim số 0337157955 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T2; 01 (một) sim số 0708830626 thu giữ của bị cáo Trần Văn T.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A53 màu đen, số IMEI 353842198919613 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T2; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, số sê-ri 2026586; 01 (một) xe mô tô biển số 69L1-138.72, số máy E3X9E426059, số khung RLCUE3210JY184010 thu giữ của bị cáo Trần Văn T.

Các vật chứng nêu trên hiện do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh quản lý theo hồ sơ vụ án; việc giao nhận vật chứng để thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn T2, Trần Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (03);
- Phòng THA khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh (01);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Người tham gia tố tụng (04);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- THA hình sự (04);
- Phòng PV06 CA Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Phòng PC10 CA Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (01);
- Lưu: VT, HSYA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm